TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ P** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2020/DS-ST
Ngày 24 tháng 8 năm 2020
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thao và Bà Lê Thị Toan

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Síu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020, tại Toà án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản và tranh chấp về hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2020/QĐST-DS, ngày 13 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H (Có mặt).
Địa chỉ: 24 Âu C, tổ 4, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Bị đơn: Ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số 39 An Dương V, tổ 3, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
Người làm chứng:
-Anh Lê Xuân L (Có mặt)
Địa chỉ: 24 Âu C, tổ 4, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.
-Bà Nguyễn Thị H (Vắng mặt)
Địa chỉ: 188/54 Âu C, tổ 5, phường Thắng L, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Giữa bà với bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T có quan hệ quen biết, từ khoảng tháng 4, 5 năm 2018 bà cho bà T ông S vay tiền nhiều

lần, bà và T có chơi hụi với nhau. Đến ngày 25/12/2018, hai bên chốt nợ thì bà T còn nợ bà số tiền hụi là 748.000.000đ, bà cho bà T 48.000.000đ. Bà với ông S và bà T thỏa thuận cấn trừ số tiền nợ hụi bằng việc bà H nhận chuyển nhượng của ông S bà T quyền sử dụng đất tại thôn 2, xã An P, thành phố Pl với giá 900.000.000 đồng. Do bà T và ông S đang thế chấp lô đất đó ở ngân hàng nên vào ngày 25/12/2018 bà đưa thêm 300.000.000đ cho ông S, bà T để trả nợ cho ngân hàng rồi rút giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ra làm thủ tục chuyển nhượng cho bà. Số tiền còn dư 100.000.000đ ông S bà T ký giấy nhận nợ cho bà bằng giấy vay tiền 100.000.000 đồng do con trai bà là Lê Xuân L viết, ông S bà T đã đọc kỹ và ký tên. Cùng ngày 25/12/2018, ông S bà T vay bà chốt nợ cũ còn lại bằng giấy vay mượn tiền 200.000.000đ do bà T viết, ông S bà T ký ghi họ tên. Ông S bà T hẹn đến ngày 30/01/2019 sẽ trả hết nợ cả gốc và lãi cho bà, lãi do hai bên thỏa thuận. Nhưng từ đó đến nay bà đã nhiều lần yêu cầu ông S và bà T phải trả tiền cho bà như đã thỏa thuận nhưng ông S bà T vẫn chưa trả tiền khoản tiền nào.

Ngoài ra năm 2018 bà và bà T có chơi hụi cùng nhau, bà T đã mượn một chân hụi của bà để hốt tiền, hàng tháng bà vẫn phải đóng tiền cho chủ hụi là bà Nguyễn Thị H, tổng cộng số tiền hụi bà đã đóng là 48.000.000 đồng/16 tháng. Bà T có viết giấy cam kết kết thúc hụi sẽ trả bà số tiền là 48.000.000 đồng, khoảng cuối năm 2019 bà T trả được 10.000.000đ, số nợ còn lại 38.000.000đ đến nay bà T chưa trả cho bà. Việc vay mượn, chơi hụi giữa hai bên không liên quan gì đến chồng con bà, mà do một mình bà thực hiện, không cho chồng con được biết.

Nay, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T trả cho bà số tiền nợ gốc là 300.000.000đ, bà không yêu cầu tính lãi. Tại phiên tòa bà H xin được rút yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà T trả tiền nợ hụi còn lại là 38.000.000đ.

Tại bản khai và lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Trường S trình bày:

Giữa vợ chồng ông với bà Lê Thị H có quan hệ quen biết với nhau, vợ ông là bà Võ Thị Hồng T chơi hụi và nợ tiền hụi bà H. Năm 2018, vợ ông và bà H chốt nợ thì vợ ông còn nợ bà H số tiền là 700.000.000 đồng, vợ chồng ông thống nhất cấn trừ cho bà H bằng lô đất tại thôn 2, xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai với trị giá 1.000.000.000đ. Do lô đất đang thế chấp tại ngân hàng nên bà H có bỏ số tiền 300.000.000đ để trả cho Ngân hàng và xóa đăng ký thế chấp nên vợ chồng ông bà có viết hai giấy vay mượn tiền tổng cộng số tiền mượn là 300.000.000đ như các tài liệu, chứng cứ bà H đã cung cấp cho Tòa án. Sau khi xóa thế chấp, vợ chồng ông S bà T đã làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn 2, xã An P, thành phố P sang tên cho bà H để cấn trừ hết nợ, nhưng vợ chồng ông bà không lấy lại giấy vay tiền, bà H cũng không xé bỏ giấy mượn tiền mà lại căn cứ vào giấy tờ này để khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ 300.000.000đ. Việc cấn trừ nợ giữa hai bên không lập văn bản chỉ thỏa thuận bằng miệng. Ông S công nhận hai giấy nhận nợ 300.000.000đ ngày 25/12/2018 là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông.

Về khoản nợ hụi của vợ ông thì ông không rõ, ông chỉ biết hai người chơi hụi với

nhau.

Vì vậy vợ chồng ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

Quá trình chuẩn bị xét xử và đến phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập bị đơn là bà Võ Thị Hồng T đến Tòa án để trình bày, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T không chấp hành, nên không có lời khai tại hồ sơ.

Kiểm sát viên có ý kiến phát biểu tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn, quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng quy định, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ pháp luật tố tụng theo quy định, các bị đơn đã không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả số tiền 300.000.000đ nợ gốc và buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bà T trả số tiền nợ hụi 38.000.000đ nên đề nghị HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản xác định thời hạn, tranh chấp về hụi; bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn là ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T đã không chấp hành đầy đủ pháp luật, bà Võ Thị Hồng T không lên Tòa án theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, hòa giải đến nay vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, thể hiện tinh thần không tôn trọng pháp luật, ý thức công dân không tốt, nên Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T phải chịu mọi hậu quả theo quy định tại khoản 25 Điều 70 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

-Bà Lê Thị H yêu cầu bị đơn ông S và bà T trả số tiền gốc 300.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy giữa hai bên có quan hệ vay tiền là có thật. Bà H xác định ông S bà T có nợ bà số tiền 300.000.000đ theo hai giấy vay tiền ngày 25/12/2018 và giấy mượn tiền ngày 25/12/2018 chữ ký, chữ viết là của bà T và ông S. Ông Nguyễn Trường S thừa nhận chữ ký, viết tên trong hai giấy vay mượn tiền ngày 25/12/2028 là của ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T. Tuy nhiên bị đơn bà Võ Thị Hồng T không có ý kiến và không cung cấp chứng cứ nào để phản đối, ông Nguyễn Trường S

thừa nhận vợ chồng có ký, viết hai giấy nhận nợ, nhưng cho rằng số nợ này đã được trả bằng việc cấn trừ nợ thông qua việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở thôn 2, xã An P, thành phố P, tỉnh Gia Lai cho bà H với giá trị 1.000.000.000đ. Tuy nhiên lời khai này không được nguyên đơn chấp nhận đồng thời ông Nguyễn Trường S không đưa ra được chứng cứ nào để chứng minh. Hội đồng xét xử xét thấy việc các bên có thanh toán tiền nợ bằng việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bị đơn cho nguyên đơn là có thật và đã được các bên thực hiện xong, hoàn thành, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xác định việc cấn trừ quyền sử dụng đất giữa hai bên được trừ vào hai khoản nợ theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo hai giấy vay mượn ngày 25/12/2028. Nay bà H đề nghị Tòa án buộc ông S và bà T phải trả số tiền nợ gốc 300.000.000đ là yêu cầu chính đáng, hợp pháp được pháp luật bảo vệ, cần buộc ông S bà T phải liên đới trả số tiền trên cho bà H theo quy định tại các Điều 275, 280, 288, 385, 463, 466, 470, 488 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc bà Võ Thị Hồng T phải thanh toán tiền nợ hụi 38.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Lê Thị H xin được rút yêu cầu khởi kiện này. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và không vi phạm điều cấm của luật, là quyền tự định đoạt của đương sự, nên HĐXX sẽ đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] **Về tiền án phí:**

Cần buộc các bị đơn ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 227, 228, 229, 235, 244, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng các Điều 275, 280, 288, 385, 463, 466, 470, 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H.

1.Buộc ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T phải liên đới trả cho bà Lê Thị H tổng số tiền là 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) nợ gốc.

2.Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H về việc buộc bà Võ Thị Hồng T phải trả cho bà Lê Thị H số tiền 38.000.000đ (Ba mươi tám triệu đồng) nợ hụi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội:

1.Buộc ông Nguyễn Trường S và bà Võ Thị Hồng T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.Bà Lê Thị H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.450.000đ (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số 0004747, ngày 26/02/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Tiến